

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2024/NQ-HĐND

Bình Dương, ngày 12 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định về thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, thuê tài sản, khai thác và xử lý tài sản công; mua sắm hàng hóa, dịch vụ, vật tiêu hao; hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Dương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 6836/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, thuê tài sản, khai thác và xử lý tài sản công; mua sắm hàng hóa, dịch vụ, vật tiêu hao; hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 127/BC-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, thuê tài sản, khai thác và xử lý tài sản công; mua sắm hàng hóa, dịch vụ, vật tiêu hao; hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025; thay thế các Nghị quyết: Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công; mua sắm hàng hóa, dịch vụ, sửa chữa tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Dương; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công; mua sắm hàng hóa, dịch vụ, sửa chữa

tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương; Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 01 tháng 11 năm 2023 sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công; mua sắm hàng hóa, dịch vụ, sửa chữa tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương./.

CHỦ TỊCH

Đã ký: Nguyễn Văn Lộc

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****QUY ĐỊNH**

Về thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, thuê tài sản, khai thác và xử lý tài sản công; mua sắm hàng hóa, dịch vụ, vật tiêu hao; hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Dương
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, thuê tài sản, khai thác và xử lý tài sản công; mua sắm hàng hóa, dịch vụ, vật tiêu hao; hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Dương.

2. Thẩm quyền quyết định trong mua sắm thuốc; mua sắm tập trung theo danh mục tài sản đã được ban hành; mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và hàng hóa, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã (gọi chung là Ủy ban nhân dân các cấp);

2. Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh (gọi chung cơ quan cấp tỉnh); cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp huyện là đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện (gọi chung là Huyện ủy); đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (gọi chung là đơn vị cấp tỉnh);

3. Cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục (gọi chung là đơn vị thuộc cấp tỉnh); phòng, ban, đoàn thể thuộc cấp huyện (gọi chung là cơ quan cấp huyện); đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện (gọi chung là đơn vị cấp huyện).

4. Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội được ngân sách nhà nước cấp kinh phí hoạt động và tổ chức khác có liên quan (gọi chung là tổ chức).

Đối với đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân và các cơ quan, đơn vị thuộc Trung ương quản lý không thuộc đối tượng áp dụng của Quy định này.

CHƯƠNG II

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM TÀI SẢN CÔNG, THUÊ TÀI SẢN, KHAI THÁC VÀ XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

MỤC I

MUA SẮM TÀI SẢN CÔNG, THUÊ TÀI SẢN, KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (trừ trường hợp phải lập thành dự án; không bao gồm mua sắm dịch vụ phục vụ hoạt động)

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công
 - a) Xe ô tô.
 - b) Tài sản công có giá trị từ 10 tỷ đồng trở lên/01 gói thầu đối với các cơ quan cấp tỉnh, đơn vị cấp tỉnh, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh (trừ tài sản công là máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục).
2. Cơ quan cấp tỉnh, đơn vị cấp tỉnh, tổ chức quyết định mua sắm
 - a) Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô).
 - b) Tài sản công có giá trị dưới 10 tỷ đồng/01 gói thầu tại cơ quan cấp tỉnh, đơn vị cấp tỉnh, tổ chức.
 - c) Tài sản công có giá trị từ 05 tỷ đồng/gói thầu đến dưới 10 tỷ đồng/gói thầu của đơn vị thuộc cấp tỉnh.
3. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Huyện ủy quyết định mua sắm
 - a) Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô).
 - b) Tài sản công tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, Huyện ủy.
 - c) Tài sản công có giá trị từ 05 tỷ đồng trở lên/gói thầu của các cơ quan cấp huyện, đơn vị cấp huyện.
4. Đơn vị thuộc cấp tỉnh; cơ quan cấp huyện; đơn vị cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm đối với các gói thầu có giá trị dưới 05 tỷ đồng/01 gói thầu.
5. Máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo
 - a) Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định mua sắm- Tất cả các gói thầu tại Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Gói thầu có giá trị từ 10 tỷ đồng trở lên/gói thầu đối với các đơn vị thuộc cấp tỉnh, trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản có giá trị từ 10 tỷ đồng trở lên/gói thầu đối với các đơn vị cấp huyện.

c) Đơn vị thuộc cấp tỉnh, đơn vị cấp huyện quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 10 tỷ đồng/gói thầu.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Tài sản phục vụ hoạt động là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác (gọi chung là tài sản), không bao gồm thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác phục vụ hoạt động.

2. Cơ quan cấp tỉnh, đơn vị cấp tỉnh, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Huyện ủy; đơn vị thuộc cấp tỉnh; cơ quan cấp huyện; đơn vị cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thuê tài sản để phục vụ hoạt động.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

1. Tài sản công được khai thác gồm: nhà ở công vụ; quyền sở hữu trí tuệ, bản quyền phần mềm ứng dụng; cơ sở dữ liệu; tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan nhà nước (nhà ăn, căn tin; nhà/bãi để xe; vị trí lắp đặt máy rút tiền tự động, máy bán hàng tự động; vị trí lắp đặt, xây dựng công trình biển thông; vị trí lắp đặt màn hình led, tấm pano phục vụ thông tin, tuyên truyền); tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị quy định tại khoản 36 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP; tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp, phòng truyền thống; tài sản khác được khai thác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khai thác tài sản công là nhà ở công vụ;

b) Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quyết định khai thác tài sản công thuộc thẩm quyền quản lý, trừ nhà ở công vụ.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Huyện ủy quyết định khai thác tài sản công thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương trừ nhà ở công vụ.

d) Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khai thác tài sản thuộc phạm vi quản lý là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp; phòng truyền thống.

MỤC II

XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp từ cấp tỉnh sang cấp huyện theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Xe ô tô;

c) Tài sản công có nguyên giá từ 10 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, trừ tài sản là máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

2. Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công giữa các sở, ban, ngành; giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa cấp huyện, gồm:

a) Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô);

b) Tài sản công có nguyên giá dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, trừ tài sản là máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

3. Cơ quan cấp tỉnh, đơn vị cấp tỉnh, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Huyện ủy quyết định điều chuyển tài sản công thuộc phạm vi quản lý:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô);

c) Tài sản công có nguyên giá dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Sở Y tế quyết định điều chuyển máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định điều chuyển máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, giữa cấp huyện.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi:

a) Trụ sở làm việc và cơ sở hoạt động sự nghiệp theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Xe ô tô;

c) Tài sản công có nguyên giá từ 10 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản chưa hết thời gian tính hao mòn, trích khấu hao, còn giá trị còn lại trên sổ kế toán.

2. Cơ quan cấp tỉnh, đơn vị cấp tỉnh, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Huyện ủy quyết định thu hồi tài sản công thuộc phạm vi quản lý:

a) Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô);

b) Tài sản công có nguyên giá từ 10 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đã hết thời gian tính hao mòn, trích khấu hao, không còn giá trị còn lại trên sổ kế toán;

c) Tài sản công có nguyên giá dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Huyện ủy;

d) Tài sản công có nguyên giá từ 02 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị thuộc cấp tỉnh, cơ quan cấp huyện, đơn vị cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Đơn vị thuộc cấp tỉnh, cơ quan cấp huyện, đơn vị cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi đối với tài sản công có nguyên giá dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản cố định

1. Người đứng đầu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công là tài sản cố định, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc và cơ sở hoạt động sự nghiệp theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất;

b) Xe ô tô;

c) Tài sản công có nguyên giá từ 10 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản chưa hết thời gian tính hao mòn, trích khấu hao, còn giá trị còn lại trên sổ kế toán.

2. Người đứng đầu: cơ quan cấp tỉnh, đơn vị cấp tỉnh, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Huyện ủy được giao quản lý, sử dụng quyết định bán tài sản công là tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý, bao gồm:

a) Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô);

b) Tài sản công có nguyên giá từ 10 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đã hết thời gian tính hao mòn, trích khấu hao, không còn giá trị còn lại trên sổ kế toán;

c) Tài sản công có nguyên giá dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Huyện ủy;

d) Tài sản công có nguyên giá từ 02 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị thuộc cấp tỉnh, cơ quan cấp huyện, đơn vị cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã;

3. Người đứng đầu: đơn vị thuộc cấp tỉnh, cơ quan cấp huyện, đơn vị cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán đối với tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Người đứng đầu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định, bao gồm:

a) Nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư và giao các cơ quan quản lý, sử dụng.

b) Nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư và giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, sử dụng mà chưa hết thời gian tính hao mòn, trích khấu hao, còn giá trị còn lại trên sổ kế toán.

c) Xe ô tô;

d) Tài sản công có nguyên giá từ 10 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản chưa hết thời gian tính hao mòn, trích khấu hao, còn giá trị còn lại trên sổ kế toán;

đ) Quyết định thanh lý tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của đơn vị cấp tỉnh.

2. Người đứng đầu: cơ quan cấp tỉnh, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Huyện ủy được giao quản lý, sử dụng quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý, bao gồm:

a) Tài sản công có nguyên giá từ 10 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đã hết thời gian tính hao mòn, trích khấu hao, không còn giá trị còn lại trên sổ kế toán;

b) Tài sản công có nguyên giá dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại cơ quan cấp tỉnh, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Huyện ủy;

c) Tài sản công có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị thuộc cấp tỉnh, cơ quan cấp huyện, đơn vị cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã;

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, sử dụng đã hết thời gian tính hao mòn, khấu hao, không còn giá trị còn lại trên sổ kế toán và Nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

3. Cơ quan cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý đối với tài sản công có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tài sản công là tài sản cố định

1. Người đứng đầu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại, bao gồm:

a) Xe ô tô;

b) Tài sản công có nguyên giá từ 10 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản chưa hết thời gian tính hao mòn, trích khấu hao, còn giá trị còn lại trên sổ kế toán.

2. Người đứng đầu: cơ quan cấp tỉnh, đơn vị cấp tỉnh, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Huyện ủy được giao quản lý, sử dụng quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản công là tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại, bao gồm:

a) Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô);

b) Tài sản công có nguyên giá từ 10 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đã hết thời gian tính hao mòn, trích khấu hao, không còn giá trị còn lại trên sổ kế toán thuộc phạm vi quản lý;

c) Tài sản công có nguyên giá dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại cơ quan cấp tỉnh, đơn vị cấp tỉnh, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Huyện ủy;

d) Tài sản công có nguyên giá từ 02 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị thuộc cấp tỉnh, cơ quan cấp huyện, đơn vị cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã;

3. Người đứng đầu: Đơn vị thuộc cấp tỉnh, cơ quan cấp huyện, đơn vị cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản có nguyên giá dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

MỤC III

XỬ LÝ TÀI SẢN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN

THUỘC ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ

Điều 11. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án đối với dự án thuộc địa phương quản lý

1. Đối với dự án thuộc cấp tỉnh quản lý: Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án giao, điều chuyển tài sản, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

2. Đối với dự án thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý: Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án giao, điều chuyển tài sản, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Chương III

THẨM QUYỀN MUA SẮM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ, VẬT TIÊU HAO; ĐẦU TƯ, MUA SẮM, THUÊ CÁC HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN SỬ DỤNG NGUỒN KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN

Điều 12. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ, vật tiêu hao

1. Thủ trưởng: cơ quan cấp tỉnh, đơn vị cấp tỉnh, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Huyện ủy quyết định:

a) Tất cả các gói thầu, nội dung mua sắm của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Huyện ủy;

b) Các gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 02 tỷ đồng trở lên/gói thầu của đơn vị thuộc cấp tỉnh, cơ quan cấp huyện, đơn vị cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên.

2. Thủ trưởng: Đơn vị thuộc cấp tỉnh, cơ quan cấp huyện, đơn vị cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm đối với các gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị dưới 02 tỷ đồng/01 gói thầu.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định mua sắm đối với các gói thầu, nội dung mua sắm phục vụ hoạt động của đơn vị.

4. Đối với lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo

a) Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định việc mua sắm đối với tất cả các gói thầu tại cơ quan; quyết định mua sắm các gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 05 tỷ đồng trở lên/gói thầu của đơn vị thuộc cấp tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc mua sắm các gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 05 tỷ đồng trở lên/gói thầu của đơn vị cấp huyện.

c) Đơn vị thuộc cấp tỉnh, đơn vị cấp huyện quyết định mua sắm các gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị dưới 05 tỷ đồng/gói thầu.

d) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định mua sắm đối với các gói thầu, nội dung mua sắm phục vụ hoạt động của đơn vị.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm, thuê các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, mua sắm, thuê đối với hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin có giá trị từ 10 tỷ đồng trở lên/gói thầu.

2. Cơ quan cấp tỉnh, đơn vị cấp tỉnh, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Huyện ủy quyết định đầu tư, mua sắm, thuê đối với:

a) Hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin có giá trị dưới 10 tỷ đồng/gói thầu tại cơ quan cấp tỉnh, đơn vị cấp tỉnh, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Huyện ủy;

b) Hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin có giá trị từ 01 tỷ đồng/gói thầu đến dưới 10 tỷ đồng/gói thầu của đơn vị thuộc cấp tỉnh, cơ quan cấp huyện, đơn vị cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Đơn vị thuộc cấp tỉnh, cơ quan cấp huyện, đơn vị cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, mua sắm, thuê đối với hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin có giá trị dưới 01 tỷ đồng/gói thầu.

Chương IV

THẨM QUYỀN XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI

Điều 14. Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp tỉnh quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp huyện quản lý.

Điều 15. Thẩm quyền thu hồi, thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi, thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh.

Điều 16. Thẩm quyền điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh (trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2, Điều 26 của Nghị định số 129/2017/NĐ-CP) ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

Điều 17. Thẩm quyền bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp tỉnh quản lý; tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn liền với đất, mặt nước trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp huyện quản lý do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi, thanh lý (trừ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn liền với đất, mặt nước).

Điều 18. Thẩm quyền xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại do thiên tai, hỏa hoạn và các nguyên nhân khác theo quy định của pháp luật thuộc cấp tỉnh quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại do thiên tai, hỏa hoạn và các nguyên nhân khác theo quy định của pháp luật thuộc cấp huyện quản lý./.